TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TƠ
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST
Ngày 15-8-2018
V/v "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Ngoan;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Xuân;

2. Ông Đinh Xuân Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Công Bình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Hoài Trinh-Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32/2018/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2018, về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Hà Thị P, sinh năm 1988;

Địa chỉ: Xóm K, xã V, huyện M, tỉnh Hòa Bình.

* *Bị đơn:* Anh Phạm Trung N, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Tổ dân phố K, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Nơi cư trú cuối cùng: Tổ dân phố K, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh N đã bị Tòa án tuyên bố mất tích;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2018 nguyên đơn chị Hà Thị P trình bày:*

Chị P và anh N kết hôn vào ngày 08/9/2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện M, tỉnh Hòa Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vả nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được. Đến năm 2011 anh N chuyển vào ở cùng cha ruột là ông Phạm Trung N tại tổ dân phố K, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, sinh sống được một thời gian thì đến tháng 6/2014 anh N bỏ nhà, bỏ địa phương đi từ đó đến nay không về lại địa phương, mặc dù chị P đã áp dụng đầy đủ các biện pháp thông báo tìm kiếm anh N nhưng vẫn không có tin tức gì của anh N. Sau đó, chị P nộp đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố anh N mất tích, Tòa án đã thụ lý và ban hành Quyết định giải quyết việc dân sự số 02/2018/QĐDS-ST ngày 20/4/2018 tuyên bố anh Phạm Trung N mất tích. Nay chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Chị P và anh N có 01 người con chung tên là Phạm Hà T, sinh ngày 20/02/2008 (từ khi sinh ra cho đến nay, cháu sống cùng chị P tại Xóm K, xã V, huyện M, tỉnh Hòa Bình). Nay anh N đã mất tích nên chị P yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu T. Việc cấp dưỡng nuôi con chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị P trình bày không có.

* Bị đơn anh Phạm Trung N bị Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tuyên bố mất tích theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 02/2018/QĐDS-ST ngày 20/4/2018 đến nay vẫn không có tin tức gì.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa*: Phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định tại Điều 28, 35, và 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Thẩm phán thụ lý đúng thẩm quyền, Chánh án ra quyết định phân công Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đúng quy định; Thẩm phán xác định tư cách người tham gia tố tụng, tống đạt các văn bản tố tụng của Toà án, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị:

Hội đồng xét xử áp dụng: Các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Hà Thị P được ly hôn với anh Phạm Trung N.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Hà T, sinh ngày 20/02/2008 cho chị Hà Thị P tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi con chị P không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị P trình bày không có, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị Hà Thị P phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Bị đơn anh Phạm Trung N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố K, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị P thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

[2] Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Hà Thị P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Phạm Trung N vắng mặt, tuy nhiên, anh N đã bị Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tuyên bố mất tích theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 02/2018/QĐDS-ST ngày 20/4/2018 và đến nay vẫn không có tin tức gì. Căn cứ theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

-Nội dung vụ án:

[3] Quan hệ hôn nhân giữa chị Hà Thị P và anh Phạm Trung N được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, là hôn nhân hợp pháp. Theo chị P thì trong quá trình chung sống do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên năm 2011 anh N chuyển đến tổ dân phố K, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi sinh sống cùng cha ruột là ông Phạm Trung N, sinh sống được

một thời gian thì anh N bỏ nhà, bỏ địa phương đi từ tháng 6/2014 đến nay không có tin tức gì. Xét thấy, chị P và anh N đã không còn chung sống với nhau từ năm 2011, kể từ khi Tòa án tuyên bố anh N mất tích cho đến nay vẫn không có tin tức gì, thể hiện vợ chồng không có sự yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân giữa chị P và anh N không đạt được và chị P, anh N cũng không thể chung sống đoàn tụ được nên yêu cầu ly hôn của chị P là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Cháu Phạm Hà T, sinh ngày 20/02/2008, từ khi sinh ra đến nay cháu T sinh sống cùng chị P, anh N đã bỏ đi không còn quan tâm, chăm sóc con chung, cháu T cũng có nguyện vọng được sống cùng chị P, nên Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu T cho chị P tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Việc cấp dưỡng nuôi con chị P không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị P trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Ý kiến của kiểm sát viên về tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị P phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hà Thị P và anh Phạm Trung N.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Phạm Hà T, sinh ngày 20/02/2008 cho chị Hà Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Phạm Trung N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Các đương sự có quyền yêu cầu Toà án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, vì lợi ích của con, nếu thấy người trực tiếp nuôi con không bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con.

3. *Về án phí:* Chị Hà Thị P phải chịu số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) mà chị P đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 011409 ngày 11 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

Trường hợp bản án, Quyết định được Thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Ba Tơ;
- Chi cục THADS huyện Ba Tơ;
- Đương sự;
- UBND xã V;
- Niêm yết;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Ngô Văn Ngoan